

# NHỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG TA QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI

★ PGS, TS NGUYỄN MẠNH HÙNG

*Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

*Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương*

● **Tóm tắt:** Qua 40 năm đổi mới (1986-2026), Đảng ta đã có bước phát triển vượt bậc về nhận thức lý luận, chuyển từ tư duy kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hình thành hệ thống lý luận hoàn chỉnh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, bước phát triển lý luận cốt lõi nhất của Đảng ta qua 40 năm đổi mới là xây dựng và hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới. Bài viết phân tích các quá trình chuyển đổi tư duy lý luận sâu sắc của Đảng ta trong 40 năm qua và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn mới.

● **Từ khóa:** lý luận; thực tiễn; đổi mới; phát triển.

## Advances in the Party's theoretical thinking over 40 years of Doi Moi

● **Abstract:** Over 40 years of Doi Moi (1986–2026), the Communist Party of Vietnam has achieved significant advances in theoretical thinking, transitioning from a centrally planned model to a socialist-oriented market economy, and developing a comprehensive theoretical framework on socialism and the path toward socialism in Vietnam. Among these achievements, the most fundamental theoretical advancement has been the formulation and continual refinement of the theory of the renovation (Doi Moi) line. This article analyzes the profound transformations in the Party's theoretical thinking over the past four decades and discusses emerging issues in the new period.

● **Keywords:** theory; practice; Doi Moi; development.

### 1. Mở đầu

Qua 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đã có những bước phát triển lớn, quan trọng về tư duy lý luận, tạo cơ sở cho việc hoạch định những chủ trương, quyết sách đúng đắn và sáng suốt, lãnh đạo đất nước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tận dụng được nhiều cơ hội phát triển, đạt được

những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tri thức của nhân loại, Đảng ta đã hình thành hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, tạo nền tảng cho những quyết sách chiến lược đưa đất nước phát triển bứt phá, tự hào, tự tin, tự chủ

chiến lược tiến vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

## 2. Nội dung

### 2.1. Từ tư duy kế hoạch hóa tập trung chuyển sang tư duy thị trường - điểm khởi đầu của tiến trình đổi mới

Sau năm 1975, Việt Nam vừa thống nhất, nhưng lại phải đối mặt với hai cuộc chiến tranh ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc, trong khi đó tình hình quốc tế rất phức tạp, hệ thống xã hội chủ nghĩa trì trệ, nền kinh tế đất nước khủng hoảng trầm trọng.

Đại hội VI (năm 1986) chỉ ra những *sai lầm nghiêm trọng và kéo dài*, bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, vừa tả khuynh vừa hữu khuynh trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật,

đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” (ĐCSVN, 2006a, tr.346). Đại hội VI đã chỉ rõ: “Những khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội* chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội” (ĐCSVN, 2006a, tr.360). “Trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ (...) Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng chúng vào việc chế

định các chủ trương, chính sách kinh tế” (ĐCSVN, 2006a, tr.361).

Đại hội VI mở đường cho sự thay đổi căn bản tư duy kinh tế của Đảng, nhất là trong quan điểm về kế hoạch hóa tập trung và nền sản xuất hàng hóa, về các thành phần kinh tế và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, sở hữu tư nhân và sở hữu toàn dân, lao động làm thuê, các định chế kinh tế quốc tế và tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế... Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế được thực hiện cùng với việc xóa bỏ cơ chế hành chính tập trung; xây dựng cơ chế mới theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ

**Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3-1989), Đảng ta đã có đủ cơ sở thực tiễn để khẳng định sự đúng đắn, hợp quy luật, có ý nghĩa chiến lược lâu dài của chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.**

nghĩa; dân tôn trọng và sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ; thực hiện khuyến khích mở rộng mua bán hàng hóa, xóa bỏ tình trạng chia cắt thị trường theo địa giới hành chính; tiến hành phân cấp quản lý, phân biệt rõ chức năng

quản lý hành chính với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh. Để tạo động lực phát triển kinh tế, Đảng đã chủ trương “*phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động*” (ĐCSVN, 2006b, tr.341).

Sự chuyển đổi từ nền kinh tế manh mún, cô lập, tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa ở Việt Nam là bước đột phá trong tư duy kinh tế, trong lý luận về mô hình phát triển và quản lý sự phát triển. Vào lúc khởi đầu của thời kỳ đổi mới, trong bối cảnh còn chưa nghiên cứu kỹ và hiểu rõ về kinh tế thị trường, Đảng ta đã đề xuất và thực hiện chủ trương đầy mạnh *phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần*, cho phép và khuyến khích kinh tế tư nhân, cá thể phát triển

trong những ngành nghề, lĩnh vực nhất định; coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn... Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3-1989), Đảng ta đã có đủ cơ sở thực tiễn để khẳng định sự đúng đắn, hợp quy luật, có ý nghĩa chiến lược lâu dài của chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

Tại Đại hội VII (năm 1991), lần đầu tiên Đảng ta coi *cơ chế thị trường* là cơ chế vận hành của nền kinh tế đất nước<sup>(\*)</sup>. Đại hội VII nêu rõ: “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước... Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu” (ĐCSVN, 2019, tr.307). Tại Đại hội IX của Đảng (năm 2001), thuật ngữ *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* được chính thức sử dụng trong Văn kiện Đại hội. Từ đây, Việt Nam đã xác định “*nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội” (ĐCSVN, 2019, tr.863-864).

Đặc biệt, tại Hội nghị Trung ương 6 khóa X (tháng 01-2008), Đảng đã khẳng định: “*Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta: Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại được phát triển tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản nhưng tự bản thân kinh tế thị trường không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản*” (ĐCSVN, 2018d, tr.118). Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Tại Đại hội XII và XIII của Đảng, lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam đã được tổng kết thành nội dung: *Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. “*Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*” (ĐCSVN, 2021b, tr.306-307).

Như vậy, sự chuyển đổi từ tư duy kế hoạch hóa tập trung sang tư duy thị trường là bước đột phá có ý nghĩa nền tảng, mở ra tiến trình đổi mới toàn diện của đất nước. Quá trình này đã từng bước hình thành và hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa rất sáng tạo của Đảng ta, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đây chính là tiền đề lý luận và thực tiễn quan trọng để đất nước phát triển nhanh, bền vững và hội nhập sâu rộng trong giai đoạn mới.

## **2.2. Từ nhận thức về dân chủ hóa trong kinh tế đến nhận thức về dân chủ hóa trong chính trị**

Dân chủ hóa đã được khởi động ngay từ khi sự nghiệp đổi mới bắt đầu. Tại Đại hội VI, tổng kết quá trình lãnh đạo, Đảng ta đã rút ra bài học lớn đầu tiên: “trong toàn bộ hoạt động của mình,

Đảng phải quán triệt bài học “lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân” (ĐCSVN, 2006a, tr.362).

Có thể coi, *phát triển nhận thức về nền kinh tế nhiều thành phần là bước đột phá trong quá trình dân chủ hóa kinh tế*; từng bước giải phóng các rào cản cho mọi người dân được hoạt động kinh tế, tự do sản xuất, kinh doanh. Từ đây, dân chủ hóa tiếp tục được củng cố, mở rộng không chỉ trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng và trong đời sống xã hội nói chung. Việc mở rộng dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, ở các vùng, miền của đất nước lại trở thành động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của kinh tế thị trường.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) đã nhấn mạnh bài học: “*sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân (...)* Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân” (ĐCSVN, 2007c, tr.130). Đồng thời, Cương lĩnh khẳng định: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm củng cố, hoàn thiện *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân” (ĐCSVN, 2007c, tr.145). Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục chỉ rõ: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước” (ĐCSVN, 2011, tr.84-85).

Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng là hình thức dân chủ mà trong đó quyền lực thuộc về nhân dân, do nhân dân làm chủ và vì lợi ích của đa số nhân dân lao động, được bảo đảm bằng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Về bản chất, nền dân chủ này khẳng định nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, mọi quyền lực

đều bắt nguồn từ nhân dân, đồng thời hướng tới mục tiêu bảo đảm dân chủ gắn với tiến bộ, công bằng xã hội. Trong thực tiễn, dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện thông qua cả hình thức trực tiếp và gián tiếp, thông qua các thiết chế của hệ thống chính trị, cơ chế bầu cử, giám sát và phản biện xã hội, qua đó kết hợp hài hòa giữa quyền tự do cá nhân với lợi ích chung của cộng đồng và xã hội.

Từ Quy chế dân chủ ở cơ sở được ban hành lần đầu tiên vào năm 1998 cho đến việc ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã mang lại những thay đổi thiết chế dân chủ rất quan trọng nhằm thực hành dân chủ rộng khắp ở mọi vùng, miền đất nước. Đồng thời, Đảng đã không ngừng phát triển tư duy lý luận, đưa tư tưởng “dân là gốc” từng bước trở thành nguyên lý tổ chức và thực hành dân chủ trong hệ thống chính trị và xã hội; hoàn thiện cơ chế dân chủ hóa gắn với thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân, không chỉ dừng lại ở “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” mà bổ sung thêm “dân giám sát, dân thụ hưởng”. Theo đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa từng bước trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, làm cho bộ mặt xã hội thay đổi mạnh mẽ, không khí xã hội ngày càng cởi mở, tiến bộ, nhân văn.

Đại hội XIII của Đảng đã nêu một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn tới về phương diện dân chủ hóa là: “Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân”; “Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn”, trong đó có quan hệ “giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội” (ĐCSVN, 2021a, tr.119). Đồng thời, Đại hội cũng nêu rõ “Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn

định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân” (ĐCSVN, 2021a, tr.174). Tại Đại hội XIV, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh “Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu” (ĐCSVN, 2026, tr.121).

Như vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa được hình thành, phát triển từng bước phù hợp với quá trình phát triển của kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là quá trình lâu dài và là một nội dung cơ bản của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

### **2.3. Từ nhận thức về Nhà nước quản lý kinh tế - xã hội đến nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**

Cùng với quá trình chuyển sang cơ chế thị trường, quan niệm về vai trò, chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước đã được đổi mới một cách căn bản. Từ quan niệm Nhà nước trực tiếp chỉ huy toàn bộ nền kinh tế theo một kế hoạch tập trung, thống nhất mang tính pháp lệnh từ trên xuống đã chuyển sang phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chủ sở hữu tài sản công thuộc về Nhà nước; chức năng quản lý kinh doanh thuộc về doanh nghiệp. Từ chỗ tuyệt đối hóa vai trò của kế hoạch, phủ nhận vai trò của thị trường đã đi đến thừa nhận thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch; kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và trên bình diện vĩ mô, còn thị trường giữ vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ

chức sản xuất, kinh doanh. Từ chỗ Nhà nước can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính chuyển sang Nhà nước quản lý bằng pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết vĩ mô khác trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường.

Cùng với tiến trình đổi mới, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc và rõ hơn vai trò của pháp luật. Đó là: phải quản lý xã hội bằng pháp luật và chủ yếu bằng pháp luật. Sự vận động của thể chế pháp quyền thể hiện sự tương thích, đồng bộ với thể chế kinh tế thị trường, xuất phát từ yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, xác định rõ hơn vai trò, chức năng của Nhà nước trong quá trình quản lý, điều hành nền kinh tế đang trong quá trình chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường. Về phương diện nhà nước pháp quyền, Nhà nước có chức năng quản lý việc sử dụng nguồn lực quốc gia, phân định trách nhiệm, quyền hạn của chủ sở hữu và của chủ quản lý trong các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhà nước.

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã khẳng định “xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”. Các tư tưởng căn bản của nhà nước pháp quyền như chủ thể đích thực của quyền lực, sự cần thiết phải thống nhất và phân cấp quyền lực, tính tất yếu của việc quản lý xã hội bằng luật pháp... cũng được hình thành tại Đại hội VII: Nhà nước “Là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, *Nhà nước* ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật (...) Nhà nước Việt Nam *thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp*, với sự *phân công rành mạch* ba quyền đó” (ĐCSVN, 2007c, tr.145-146).

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01-1994), khái niệm “nhà nước pháp quyền” được làm rõ với những quan điểm, nguyên tắc, nội dung tương đương với quan niệm về nhà nước pháp quyền tiến bộ của thế giới - “Nhà nước pháp quyền Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, vì nhân dân”; “quản lý xã hội bằng pháp luật”; đưa “đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. “Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo” (ĐCSVN, 2007e, tr.224).

Với cách thể hiện trong Văn kiện Hội nghị, những quan điểm cơ bản về các nội dung chủ yếu của phạm trù Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân đã được xác lập, đặt cơ sở lý luận cho việc triển khai các chủ trương, giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Đại hội IX (năm 2001) và Đại hội X (năm 2006) đã tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất,

có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đại hội XI (năm 2011) đã làm sâu sắc thêm nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và khẳng định “tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo, thực hiện

tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với nhân dân, với thị trường” (ĐCSVN, 2011, tr.246-247).

Đến nay, căn cứ vào những quy định trong Hiến pháp năm 2013, có thể hiểu: *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng; Nhà nước công nhận,

tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình,

**40 năm tiến hành công cuộc đổi mới là chặng đường phát triển đặc biệt quan trọng trong lịch sử hiện đại Việt Nam, không chỉ bởi những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử về phát triển kinh tế - xã hội, mà còn bởi sự trưởng thành vượt bậc trong tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Từ một nền kinh tế khép kín, vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bị bao vây, cấm vận và tách biệt tương đối với đời sống kinh tế thế giới, Việt Nam đã từng bước phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.**

hữu nghị, hợp tác và phát triển; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

#### ***2.4. Từ nhận thức về đổi mới kinh tế đến nhận thức về đẩy mạnh đồng bộ, toàn diện công cuộc đổi mới***

40 năm tiến hành công cuộc đổi mới là chặng đường phát triển đặc biệt quan trọng trong lịch sử hiện đại Việt Nam, không chỉ bởi những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử về phát triển kinh tế - xã hội, mà còn bởi sự trưởng thành vượt bậc trong tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Từ một nền kinh tế khép kín, vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bị bao vây, cấm vận và tách biệt tương đối với đời sống kinh tế thế giới, Việt Nam đã từng bước phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

Điều nổi bật trong toàn bộ tiến trình ấy là sự vận động từng bước nhưng rất rõ nét trong nhận thức của Đảng: từ đổi mới chủ yếu trên lĩnh vực kinh tế, đến nhận thức đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, và cao hơn nữa là xác lập quan điểm đổi mới đồng bộ, toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây không phải là sự mở rộng giản đơn về phạm vi đổi mới, mà là bước phát triển về chất trong tư duy lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Ở chặng đường đầu, đặc biệt từ Đại hội VI, đổi mới được khởi xướng trước hết như một đòi hỏi bức thiết về kinh tế. Bối cảnh khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài buộc Đảng phải tập trung tháo gỡ những ràng buộc của cơ chế quản lý cũ, giải phóng lực lượng sản xuất, khắc phục tư duy

binh quân, bao cấp và hành chính hóa trong phân bổ nguồn lực. Vì vậy, đổi mới tư duy kinh tế trở thành khâu đột phá, mở đường cho toàn bộ tiến trình đổi mới. Từ thực tiễn đó, Đảng từng bước thừa nhận sản xuất hàng hóa, sự tồn tại khách quan của nhiều thành phần kinh tế, vai trò của các quy luật thị trường trong điều tiết nền kinh tế; đồng thời chuyển từ mô hình kinh tế khép kín sang mở cửa, hợp tác và hội nhập. Ở giai đoạn này, trọng tâm nhận thức là phải đổi mới kinh tế để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, tạo tiền đề vật chất cho sự phát triển.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng nhanh chóng cho thấy đổi mới kinh tế không thể tiến hành thành công và bền vững nếu không có những thay đổi tương ứng về chính trị, thể chế và phương thức lãnh đạo. Khi nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khi yêu cầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm ổn định xã hội, xây dựng môi trường pháp lý minh bạch và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ngày càng trở nên cấp thiết, thì đổi mới chính trị trở thành yêu cầu khách quan. Chính trị trở thành trọng tâm, nhận thức của Đảng có bước phát triển quan trọng: đổi mới không chỉ là điều chỉnh cơ chế kinh tế, mà là quá trình hoàn thiện đồng bộ các quan hệ chính trị - xã hội nhằm tạo khuôn khổ thể chế cho phát triển.

Giai đoạn từ Đại hội VII đến Đại hội IX đánh dấu sự trưởng thành rõ rệt của tư duy này. Đảng ngày càng nhận thức sâu sắc hơn mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị: đổi mới kinh tế là trọng tâm, nhưng đổi mới chính trị là điều kiện bảo đảm để giải phóng và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, phát huy dân chủ, củng cố đồng thuận xã hội và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới chính trị ở đây không phải là thay đổi mục tiêu, chế độ hay vai trò lãnh đạo của Đảng, mà là đổi mới tổ

chức bộ máy, phương thức lãnh đạo, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nâng cao trách nhiệm của bộ máy công quyền.

Trên nền tảng đó, Đảng từng bước hình thành và phát triển lý luận về hệ thống chính trị Việt Nam với cơ chế: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Cơ chế này phản ánh ngày càng đầy đủ hơn bản chất dân chủ của chế độ ta: mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; nhân dân là chủ thể của quyền lực, đồng thời là chủ thể của phát triển. Vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước không tách rời quyền làm chủ của nhân dân, mà là điều kiện để quyền ấy được thể chế hóa và bảo đảm trong thực tiễn. Cùng với đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng được xác định rõ hơn vai trò tập hợp, đoàn kết nhân dân, giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Một bước tiến lớn về tư duy lý luận trong tiến trình đổi mới chính trị là sự chuyển từ mô hình Nhà nước dân chủ nhân dân sang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là sự phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng về tổ chức quyền lực nhà nước trong điều kiện mới. Từ chỗ nhấn mạnh yêu cầu tập trung quyền lực để thực hiện những nhiệm vụ lịch sử đặc thù, Đảng đi tới nhận thức cần xây dựng một nhà nước thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đồng thời kiểm soát quyền lực một cách hiệu quả.

Cùng với đổi mới hệ thống chính trị và Nhà nước, nhận thức của Đảng về chính mình với tư cách đảng cầm quyền cũng được bổ sung, phát triển. Đảng không chỉ được xác định là đội tiên phong của giai cấp công nhân, mà đồng thời là

đội tiên phong của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc. Vai trò lãnh đạo của Đảng được Hiến định rõ ràng, nhưng đồng thời gắn với yêu cầu Đảng phải chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về các quyết định của mình, không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Điều đó cho thấy đổi mới chính trị không tách rời đổi mới tư duy về xây dựng Đảng cầm quyền.

Từ Đại hội X đến Đại hội XIII, tư duy đổi mới của Đảng phát triển lên một nấc thang mới: từ nhận thức đổi mới kinh tế gắn với đổi mới chính trị sang quan điểm đổi mới đồng bộ, toàn diện các lĩnh vực. Đây là bước phát triển có ý nghĩa phương pháp luận rất quan trọng. Đổi mới không còn được nhìn như tập hợp những điều chỉnh riêng lẻ, mà là quá trình cải biến có hệ thống đối với mô hình phát triển, cơ chế vận hành xã hội và phương thức quản trị quốc gia. Vì vậy, đổi mới phải được triển khai trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ, y tế, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn này, kinh tế tiếp tục giữ vai trò trung tâm, nhưng nội hàm của phát triển kinh tế đã được mở rộng đáng kể. Tăng trưởng phải gắn với chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội. Đại hội XI, XII và XIII tiếp tục hoàn thiện nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng phó với biến đổi khí hậu, xử lý các thách thức an ninh phi truyền thống, lấy con

người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của sự phát triển. Đây là bước chuyển rất quan trọng, cho thấy đổi mới đã đi từ giải phóng lực lượng sản xuất đến hoàn thiện thể chế phát triển và xây dựng hệ giá trị phát triển mới.

Trên lĩnh vực đối ngoại, kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đối nội và đối ngoại, Đảng đã phát triển thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn vai trò của đối ngoại như một bộ phận cấu thành của chiến lược phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; chủ động, tích cực đóng góp vào hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; tham gia chủ động, có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế; phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước (ĐCSVN, 2026, tr.117).

Một biểu hiện tập trung của sự phát triển tư duy đổi mới toàn diện là việc Đảng ngày càng chú trọng nhận diện và xử lý đúng các mối quan hệ lớn có tính quy luật. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) lần đầu tiên đặt các mối quan hệ lớn trong một chỉnh thể có tính hệ thống; đến Đại hội XIII, Đảng xác định rõ 10 mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Điều đó cho thấy nhận thức về đổi mới đã vượt ra khỏi tư duy đơn tuyến, từng mặt, để chuyển sang tư duy hệ thống, coi trọng sự gắn bó giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa kinh tế và chính trị; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng

trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế...

Như vậy, có thể thấy rõ một sự chuyển biến nhất quán và ngày càng sâu sắc trong nhận thức của Đảng. Đó là quá trình phát triển từ nhận thức bộ phận đến nhận thức hệ thống, từ giải pháp tình thế đến chiến lược lâu dài, từ yêu cầu trước mắt đến tầm nhìn phát triển quốc gia trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính sự phát triển ấy đã làm nên chiều sâu lý luận và sức sống thực tiễn của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

### ***2.5. Từ đổi mới tư duy đến những quyết sách lịch sử đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới***

Từ thực tiễn của 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã từng bước xây dựng, hoàn thiện và hiện thực hóa *lý luận về đường lối đổi mới*. Đó là sự vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện thực tiễn Việt Nam thời kỳ mới; là sự sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phù hợp quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn đất nước và xu thế thời đại, kế thừa có chọn lọc tinh hoa, giá trị văn hóa và các thành tựu phát triển của nhân loại với *3 trụ cột*: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Lý luận về đường lối đổi mới là cơ sở cho Đảng ta đề ra và lãnh đạo tổ chức thực hiện những quyết sách có tính đột phá, đủ tầm chiến lược, đủ sức dẫn dắt toàn xã hội vượt qua thách thức, tận dụng thời cơ, tạo nên bước chuyển về chất trong phát triển.

Trước hết, đó là việc thực hiện quyết liệt việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của hệ thống chính

trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát cơ sở và phục vụ nhân dân; đồng thời, sắp xếp lại đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, mở rộng không gian phát triển cho các địa phương. Đây là quá trình tái cấu trúc toàn diện mô hình tổ chức và phương thức vận hành của bộ máy công quyền; rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, từng cấp để xóa bỏ sự chồng chéo, trùng lặp, giảm tầng nấc trung gian, tăng liên thông, tăng trách nhiệm giải trình.

Cùng với đó, cải cách hệ thống pháp luật trở thành khâu đột phá của đột phá; theo hướng xây dựng hệ thống pháp luật thật sự minh bạch, ổn định, thống nhất, dễ dự báo và khả thi; chuyển mạnh từ tư duy “không quản được thì cấm” sang tư duy “kiến tạo phát triển”; giảm tiền kiểm, tăng hậu kiểm; bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu hợp pháp và quyền đổi mới sáng tạo. Chỉ khi thể chế được thông suốt, bộ máy được vận hành hiệu quả, kỷ cương được giữ vững, thì mọi nguồn lực trong xã hội mới được giải phóng mạnh mẽ và chuyển hóa thành động lực phát triển.

Một trong những quyết sách có ý nghĩa nền tảng khác là đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đưa khoa học, công nghệ thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, là động lực chính của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây không chỉ là yêu cầu của phát triển, mà còn là con đường ngắn nhất để nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh quốc gia và củng cố tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

Đại hội XIV của Đảng xác định phải phát huy đầy đủ vai trò của các khu vực kinh tế, trong đó khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Phát triển

kinh tế tư nhân không chỉ là tăng số lượng doanh nghiệp, mà quan trọng hơn là xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có bản lĩnh, có đạo đức kinh doanh, có năng lực quản trị hiện đại và khả năng cạnh tranh quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số, đổi mới quản trị, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị. Đồng thời, kinh tế nhà nước phải tiếp tục được cơ cấu lại để thực sự giữ vai trò chủ đạo ở những lĩnh vực then chốt, thiết yếu, có tính nền tảng và dẫn dắt, như hạ tầng chiến lược, năng lượng, tài chính trọng yếu, quốc phòng, an ninh. Kinh tế nhà nước không làm thay thị trường, mà tập trung vào những khâu nền tảng, những địa bàn chiến lược và những lĩnh vực mà các thành phần khác không thể hoặc không muốn đầu tư. Đối với khu vực FDI, phải chuyển mạnh từ thu hút bằng ưu đãi đơn thuần sang hợp tác có chọn lọc, ưu tiên dự án công nghệ cao, quản trị hiện đại, thân thiện môi trường, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, liên kết với doanh nghiệp trong nước; góp phần nâng cao năng lực nội sinh, tăng tỷ lệ nội địa hóa và từng bước đưa doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào những khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Để phát triển nhanh và bền vững, Đảng đã chủ trương văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là sức mạnh nội sinh, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển; chú trọng xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới; phát triển công nghiệp văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh; bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng. Trên lĩnh vực y tế là chuyển mạnh từ tư duy chữa bệnh sang chăm sóc sức

khỏe toàn diện, chủ động phòng bệnh, củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng, công bằng và kịp thời. Đối với giáo dục và đào tạo, đổi mới căn bản, toàn diện theo hướng mở, hiện đại, thực học, thực nghiệp, học tập suốt đời; gắn giáo dục với khoa học - công nghệ, với nhu cầu thị trường lao động và chiến lược phát triển đất nước; coi trọng giáo dục đạo đức, lý tưởng, kỹ năng số, ngoại ngữ, tư duy sáng tạo và khát vọng công hiến.

Cùng với các đột phá trong nước, Đảng đã đề ra quyết sách đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất và hiệu quả. Hội nhập trong giai đoạn mới không chỉ là mở rộng thị trường, thu hút vốn hay tiếp cận công nghệ từ bên ngoài, mà còn là quá trình nâng cao năng lực nội sinh, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa và nâng tầm vị thế quốc gia. Tư duy hội nhập mới là tư duy chủ động, bản lĩnh, sáng tạo; kết hợp hài hòa giữa độc lập, tự chủ với chủ động hội nhập; giữa nội lực và ngoại lực; giữa hợp tác và đấu tranh; giữa giữ gìn bản sắc với tiếp thu tinh hoa nhân loại.

### 3. Kết luận

Đổi mới tư duy lãnh đạo, quản lý phát triển là yếu tố quan trọng, đóng vai trò then chốt trong nỗ lực tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, để Việt Nam khơi dậy ý chí quyết tâm, khát vọng vươn lên mạnh mẽ, lập nên những kỳ tích, khẳng định tầm nhìn chiến lược và mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

Những quyết sách đột phá để phát triển đất nước trong giai đoạn mới phải được triển khai như một chỉnh thể thống nhất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý hiệu lực của Nhà nước, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của nhân dân, các quyết sách ấy

sẽ tạo nên sức bật mới cho đất nước, đưa Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, vững vàng bước vào giai đoạn phát triển cao hơn, chất lượng hơn □

*Ngày nhận bài: 15-4-2026;*

*Ngày bình duyệt: 18-4-2026;*

*Ngày duyệt đăng: 24-4-2026.*

*Email tác giả: hungmng@gmail.com*

\* Lúc này thuật ngữ “kinh tế thị trường” chưa được đề cập và nền kinh tế Việt Nam chưa được gọi là nền kinh tế thị trường.

#### Tài liệu tham khảo:

ĐCSVN (2006a). *Văn kiện Đảng toàn tập. (Tập 47)*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

ĐCSVN (2006b). *Văn kiện Đảng toàn tập. (Tập 48)*. Nxb Chính trị quốc gia.

ĐCSVN (2007c). *Văn kiện Đảng toàn tập. (Tập 51)*. Nxb. Chính trị quốc gia.

ĐCSVN (2007e). *Văn kiện Đảng toàn tập. (Tập 53)*. Nxb Chính trị quốc gia.

ĐCSVN (2018d). *Văn kiện Đảng toàn tập. (Tập 67)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2019). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI-IX)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2021a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2021b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. (Tập II)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội, 2021, tr. 306 - 307.

ĐCSVN (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.